

MÔ HÌNH CƠ QUAN TƯ VẤN, HỖ TRỢ KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI - GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM KẾT HÔN VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ThS. NGUYỄN THỊ LAN *

Việt Nam là một trong những quốc gia có hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật HN&GD chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi phong tục, tập quán và đạo đức truyền thống. Do vậy, hơn bất cứ lĩnh vực nào, pháp luật về kết hôn có yếu tố nước ngoài cần thiết phải dung hoà được những giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam với xu thế của quá trình xã hội hoá và hội nhập quốc tế hiện nay. Đặc biệt, pháp luật cần bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ Việt Nam khi kết hôn với người nước ngoài nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Bên cạnh những kết quả đạt được đối với gia đình và xã hội từ việc kết hôn có yếu tố nước ngoài thì việc kết hôn có yếu tố nước ngoài đã dẫn đến nhiều kết cục không có hậu làm nhức nhối dư luận xã hội trong và ngoài nước. Điều này đặt ra cho chúng ta bài toán khó là làm thế nào vừa đảm bảo quyền tự do kết hôn của mỗi cá nhân đồng thời quản lí có hiệu quả và đảm bảo chất lượng việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đưa ra một số mô hình mới về cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài và coi đây là giải pháp tối ưu đảm bảo quyền của phụ nữ Việt Nam khi kết hôn với người nước ngoài.

Kết hôn có yếu tố nước ngoài là lĩnh vực

khá phức tạp bởi liên quan đến nhiều quốc gia với hệ thống pháp luật điều chỉnh khác nhau, với các phong tục, tập quán và truyền thống văn hoá không đồng nhất. Chính từ việc không hiểu biết hoặc không hiểu biết đầy đủ pháp luật cũng như phong tục, tập quán của các nước có công dân kết hôn mà quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ Việt Nam bị vi phạm nghiêm trọng.

Nghị định của Chính phủ số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/07/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HN&GD về quan hệ HN&GD có yếu tố nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68) đã quy định về việc thành lập Trung tâm hỗ trợ kết hôn (Mục 3 - Chương 2) nhằm góp phần bảo vệ danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ Việt Nam khi kết hôn với người nước ngoài. Đồng thời, hạn chế được những hoạt động môi giới kết hôn bất hợp pháp đã và đang diễn ra trên thực tế.

Hội liên hiệp phụ nữ từ cấp tỉnh trở lên được phép thành lập trung tâm hỗ trợ kết hôn, đăng kí hoạt động tại sở tư pháp nơi đặt trụ sở, thực hiện theo nguyên tắc nhân đạo, phi lợi nhuận. Có thể thấy rằng, việc cho phép thành lập các trung tâm hỗ trợ kết hôn đã nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

trong việc tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của chị em phụ nữ, từ đó có thể chia sẻ và tìm ra những giải pháp phù hợp để tư vấn, giúp đỡ chị em phụ nữ trước khi quyết định kết hôn với người nước ngoài. Tuy nhiên, so với con số phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài thì số lượng các trung tâm hỗ trợ kết hôn là quá mỏng. Hiện nay, chỉ có khoảng mười tỉnh, thành phố thành lập trung tâm hỗ trợ kết hôn⁽¹⁾ như thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Cà Mau, Tây Ninh, Bình Phước, Hải Phòng, An Giang...⁽²⁾ với cơ cấu nhân lực chưa đảm bảo, kiến thức pháp lý của các cán bộ của trung tâm chưa thực sự chuyên sâu. Ngoài ra, các trung tâm hỗ trợ kết hôn còn khó khăn về cơ sở vật chất, chưa có những phương pháp khoa học để tiếp cận khách hàng, chưa có sự liên hệ chặt chẽ với các tổ chức môi giới kết hôn hợp pháp của nước ngoài mà đặc biệt là các nước có nhiều công dân kết hôn với phụ nữ Việt Nam. Bên cạnh những trung tâm hỗ trợ kết hôn được thành lập theo Nghị định số 68 thì trong thời gian qua cũng đã có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi giới hôn nhân nhưng không tích cực và không đáng kể. Theo văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp (1999), dịch vụ môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài được coi là một trong những ngành nghề cấm kinh doanh;⁽³⁾ theo văn bản hướng dẫn Luật thương mại (2005), hoạt động kinh doanh môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời cũng được coi là loại dịch vụ cấm kinh doanh.⁽⁴⁾ Như vậy, nếu xét theo văn bản hướng dẫn Luật thương mại thì chỉ khi hoạt động môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài nhằm mục

đích kiếm lời mới coi là loại dịch vụ cấm kinh doanh. Có nghĩa là, việc môi giới kết hôn vẫn có thể được coi là hợp pháp nếu không nhằm mục đích kiếm lời. Thời gian vừa qua, trong thực tế, hoạt động này diễn ra rất đa dạng và bị biến tướng dưới nhiều hình thức khác nhau, không phù hợp với phong tục, tập quán, đạo đức truyền thống Việt Nam. Các tổ chức môi giới kết hôn bất hợp pháp hoạt động ngầm khá hiệu quả trong lĩnh vực này. Các tổ chức này đã tìm cách móc nối với các tổ chức môi giới của nước ngoài, tổ chức nhiều cuộc tuyển chọn cô dâu Việt Nam cho người nước ngoài với những hành vi được coi là xúc phạm tới danh dự, nhân phẩm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ Việt Nam.

Đứng trước thực trạng như vậy, đã đến lúc chúng ta cần phải xây dựng hệ thống cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài với đầy đủ các điều kiện cần thiết, trở thành địa chỉ đáng tin cậy cho phụ nữ Việt Nam khi có ý định kết hôn với người nước ngoài.

Mô hình thứ nhất, xây dựng hệ thống các cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài từ trung ương đến địa phương.

Hệ thống cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài sẽ bao gồm: Cục tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài trực thuộc Bộ tư pháp. Dưới cục sẽ có Phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn trực thuộc các sở tư pháp tỉnh, chịu sự chi phối trực tiếp của Cục tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài. Hiện nay, các trung tâm hỗ trợ kết hôn rất mỏng và hoạt động không có hiệu quả, trong khi đó, sở tư pháp chính là cơ quan tiến hành

thủ tục đăng kí kết hôn nên nếu xây dựng các phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài thuộc sở tư pháp sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc, xem xét và giải quyết việc kết hôn chính xác hơn. Tất cả các trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài sẽ được Cục tư vấn, hỗ trợ kết hôn xét duyệt, kiểm tra thông số của các chủ thể trên cơ sở hợp tác với các cơ quan của Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức nước ngoài. Phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn thuộc sở tư pháp các tỉnh có thể mở rộng quy mô và hình thức hoạt động đảm bảo hiệu quả cao nhất. Phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài có thể mở rộng thêm các văn phòng đại diện tại các quận, huyện, thị trấn khi thấy cần thiết, đặc biệt là những vùng có đông chị em phụ nữ có nhu cầu kết hôn với người nước ngoài.

Việc xây dựng Cục, phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoạt động của Bộ tư pháp và sở tư pháp. Ngoài ra, việc kết hôn có yếu tố nước ngoài được thu về một mối sẽ đảm bảo cho việc kết hôn đúng mục đích, ý nghĩa xã hội, tránh việc kết hôn tràn lan và ngăn chặn được các hiện tượng môi giới kết hôn bất hợp pháp. Việc thành lập này hoàn toàn không trái với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về cải cách hành chính, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Bởi lẽ, quan hệ hôn nhân và gia đình là những quan hệ hết sức đặc biệt, không chỉ ảnh hưởng đến lợi ích của chính bản thân chủ thể trong mối quan hệ đó mà còn ảnh hưởng đến lợi ích của gia đình, lợi ích chung của xã hội, việc kết hôn có yếu tố nước

ngoài còn có thể ảnh hưởng đến uy tín của quốc gia trong con mắt bạn bè quốc tế, đặc biệt là vị thế của phụ nữ Việt Nam trên trường quốc tế.

Hệ thống cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn trực thuộc Bộ và các sở tư pháp được phép chủ động trong việc tuyển chọn nhân sự theo nhu cầu, phù hợp với hoạt động của mình. Với việc tuyển chọn này sẽ tạo ra nguồn lực đảm bảo cả về chất và lượng, đáp ứng nhu cầu cần tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài hiện nay. Trong hoạt động của mình, các cơ quan này có thể phân ra các mảng hoạt động chuyên trách có tính hệ thống và gắn kết với nhau để hỗ trợ cho nhau nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Chẳng hạn, cần phân định hai mảng rõ rệt về tư vấn kết hôn và hỗ trợ kết hôn. Phần tư vấn kết hôn có yếu tố nước ngoài có thể chia thành các mảng nhỏ hơn như tư vấn về hôn nhân, về gia đình và không giới hạn ở những chủ thể đang có ý định kết hôn với người nước ngoài mà còn có thể là bất cứ ai quan tâm đến lĩnh vực này, vì đây là hình thức tuyên truyền pháp luật tương đối hiệu quả cho người dân. Cán bộ phụ trách mảng tư vấn phải là những người am hiểu pháp luật, không chỉ là pháp luật Việt Nam mà còn phải am hiểu pháp luật nước ngoài cũng như phong tục, tập quán, văn hoá truyền thống, điều kiện kinh tế của những nước có công dân mà phụ nữ Việt Nam đang có ý định kết hôn. Ngoài ra, mỗi cán bộ tư vấn còn phải thông thạo ngoại ngữ để có thể tư vấn cho người nước ngoài muốn kết hôn với công dân Việt Nam, chỉ có như vậy mới được coi là hoàn chỉnh và hiệu quả một cuộc tư vấn cho khách hàng. Phần hỗ trợ

kết hôn có yếu tố nước ngoài có thể chia thành các phần như hỗ trợ các đương sự tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình và nhân thân của người mà đương sự đang có ý định kết hôn trong phạm vi mà pháp luật cho phép; hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ đăng kí kết hôn có yếu tố nước ngoài trước khi gửi lên Cục tư vấn và hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài xem xét. Hệ thống các cơ quan này có thể mở rộng hoạt động của mình như là cầu nối của dịch vụ tìm kiếm bạn đời, xây dựng các lớp học tiếng nước ngoài và được phép cấp chứng chỉ ngoại ngữ giao tiếp cho những đối tượng có ý định kết hôn với người nước ngoài. Những hoạt động của các phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài hoàn toàn phù hợp với quyền hạn như trung tâm hỗ trợ kết hôn được quy định tại Điều 24 Nghị định số 68. Nếu trong quá trình hoạt động có bất kì sự sai phạm nào sẽ tụt vào mức độ vi phạm để xác định trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Qua thực tiễn cho thấy, hầu hết phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài sống ở vùng nông thôn, các xã, huyện gần khu vực biên giới (đặc biệt là phụ nữ các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long). Do đó, phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài của các sở tư pháp ở các khu vực này có thể mở các văn phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài ngay tại các huyện, xã, để đảm bảo tính khả thi trong hoạt động của hệ thống cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài.

Cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài nên được mở rộng ra các nước trên cơ sở thoả thuận và hợp tác. Đặc biệt là

ở các nước có nhiều công dân muốn kết hôn với phụ nữ Việt Nam bằng cách đặt các văn phòng đại diện hoặc cơ quan thường trú. Văn phòng đại diện này sẽ đặc biệt quan trọng trong việc tìm hiểu về pháp luật nước sở tại, phong tục, tập quán, hoàn cảnh gia đình, nhân thân của đương sự thông qua các kênh hợp pháp từ đó phản hồi nhanh chóng, kịp thời về Việt Nam, để các cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam hoạt động có hiệu quả hơn. Ngoài ra, các văn phòng đại diện này có thể chịu trách nhiệm giám sát quan hệ hôn nhân sau khi kết hôn để bảo vệ kịp thời quyền lợi của phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

Hình thức hoạt động của hệ thống cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài cần được mở rộng hơn nữa, có thể trực tiếp, có thể gián tiếp qua điện thoại, internet, văn bản... tạo điều kiện và khắc phục những khó khăn của chị em phụ nữ khi không thể trực tiếp đến để được tư vấn, hỗ trợ kết hôn.

Mô hình thứ hai, thành lập công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế.

Với tất cả các lí do như đã nêu trên, có thể xây dựng mô hình thứ hai, đó là thành lập công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế. Đây cũng là điều hết sức cần thiết trong việc định hướng đúng đắn cho việc kết hôn có yếu tố nước ngoài, đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ Việt Nam khi kết hôn với người nước ngoài. Đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế, quốc tế hiện nay.

Công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế sẽ được thành lập theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế có thể được thành lập dưới hình thức

công ti trách nhiệm hữu hạn, công ti hợp danh, công ti cổ phần... Đối với mô hình này, vấn đề đặt ra là phải chấp nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh⁽⁵⁾ và đáp ứng được những điều kiện nhất định đối với doanh nghiệp.⁽⁶⁾

Thứ nhất, bắt buộc người đứng ra thành lập, người chủ doanh nghiệp phải có bằng cử nhân luật trở lên, có chứng chỉ hành nghề như chứng chỉ luật sư do các cơ sở đào tạo luật cấp.

Thứ hai, về cơ cấu tổ chức và nhân sự cần phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định về bằng cấp và chứng chỉ hành nghề như điều kiện đối với người thành lập doanh nghiệp. Mặt khác, đây là loại hình kinh doanh đặc biệt nên ngoài các điều kiện trên, cần quan tâm đến các điều kiện về nhân thân của người đứng ra thành lập công ti và các nhân viên của công ti như đạo đức nghề nghiệp...

Một vấn đề nữa cần đặt ra, đó là ranh giới giữa môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài và hoạt động tư vấn, hỗ trợ kết hôn trong hoạt động của công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế là rất mong manh và khó xác định cụ thể. Do đó, theo chúng tôi, pháp luật cần cho phép loại hình công ti này được phép hoạt động cả trong lĩnh vực môi giới kết hôn. Tức là, cần hợp pháp hoá hoạt động môi giới kết hôn một cách quy mô, có tổ chức dưới sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Việc quy định như vậy sẽ phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo tiến trình xã hội hoá và hội nhập quốc tế hiện nay. Việc tạo ra địa chỉ tin cậy cho khách hàng trong việc môi giới, tư vấn, hỗ trợ kết hôn sẽ ngăn chặn được các cá nhân tiến hành

hoạt động môi giới kết hôn trá hình dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm thu lợi bất chính, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của phụ nữ Việt Nam trong thời gian qua. Việc tạo ra hành lang pháp lí cho vấn đề này không ảnh hưởng gì đến an ninh quốc gia, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam... mà còn góp phần nâng cao vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong con mắt bạn bè quốc tế. Về mặt tài chính, đây cũng là một trong những nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên, hoạt động môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích sinh lời lại là một trong những dịch vụ bị cấm kinh doanh. Chính vì vậy, để tháo gỡ cho vấn đề này dưới góc độ pháp lí, pháp luật doanh nghiệp, thương mại cần được sửa đổi kịp thời.

Công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế, cũng như các loại hình doanh nghiệp khác được chủ động hoàn toàn trong hoạt động của mình,⁽⁷⁾ cần phải xây dựng cụ thể về cơ cấu tổ chức, nhân sự và quy trình hoạt động của mình như sau:

Công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn cần chia thành các mảng hoạt động chính với các cán bộ chuyên trách để đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả cao nhất. Đó là mảng về tư vấn kết hôn (bao gồm cả môi giới kết hôn), mảng về hỗ trợ kết hôn, mảng thông tin, giám sát quan hệ HN&GD có yếu tố nước ngoài, mảng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài. Trong từng mảng này có thể chia ra các nhóm hoạt động nhỏ theo khu vực các quốc gia có công dân đang muốn kết hôn, đang muốn tìm

kiếm bạn đời là phụ nữ Việt Nam. Trong mỗi nhóm hoạt động này, các cán bộ chuyên trách cần phải am hiểu pháp luật HN&GD Việt Nam và các nước trong khu vực mình quản lí kể cả phong tục tập quán, văn hoá truyền thống, điều kiện kinh tế xã hội, ngoại ngữ... Hoạt động chủ yếu của công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế phải tập trung vào việc tư vấn cho khách hàng trong việc giới thiệu bạn đời; giúp đỡ cả hai phía hiểu biết các vấn đề về cá nhân, gia đình, hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh kinh tế, phong tục tập quán, truyền thống của nước mà hai bên là công dân nhằm giúp cho khách hàng có được sự nhận thức toàn diện trước khi quyết định kết hôn với người nước ngoài; giúp khách hàng hoàn tất hồ sơ đăng kí kết hôn, trang bị cho khách hàng những kiến thức cần thiết để đảm bảo việc kết hôn hợp pháp như kiến thức về gia đình, pháp lí. Hợp tác với các công ti môi giới hôn nhân nước ngoài được thành lập hợp pháp để giới thiệu khách hàng có nhu cầu kết hôn với người nước ngoài. Hoạt động này khá nhạy cảm, rất dễ bị biến dạng. Do đó, cần có những nguyên tắc đặc biệt cho trường hợp này, như trước khi giới thiệu khách hàng, công ti môi giới kết hôn nước ngoài cần phải cung cấp đầy đủ thông số của cá nhân công dân của nước họ và các thông số này sẽ được kiểm tra một cách cẩn thận. Công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn có quyền phỏng vấn công dân mà công ti môi giới kết hôn nước ngoài giới thiệu, trước khi giới thiệu họ với khách hàng của mình. Mở rộng quy mô hoạt động đến các quốc gia, nơi có nhiều phụ nữ Việt Nam sinh sống sau khi kết hôn với

người nước ngoài bằng cách đặt các văn phòng đại diện hoặc công ti con ở nước ngoài. Công ti này sẽ là cầu nối với công ti ở trong nước trong việc cung cấp thông tin hai chiều thông qua các kênh hợp pháp, giám sát và bảo vệ kịp thời phụ nữ Việt Nam tại nước sở tại; phối hợp đồng bộ với các cơ quan nhà nước khác như Bộ công an, Bộ ngoại giao trong các hoạt động như trao đổi các vấn đề về pháp luật, phong tục tập quán, thủ tục hồ sơ kết hôn, xác định thông số của cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam khi thấy cần thiết... Ngoài ra, công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế cần có thêm các hoạt động như tổ chức các lớp dạy ngoại ngữ, cấp chứng chỉ ngoại ngữ cho đương sự; tổ chức dạy nghề theo nhu cầu của đương sự và cấp chứng chỉ học nghề; xây dựng đội ngũ cộng tác viên trong các lĩnh vực pháp luật, ngoại ngữ...

Công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn là loại hình doanh nghiệp có mục đích sinh lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, khi pháp luật cho phép kinh doanh dịch vụ này, pháp luật cũng cần phải xây dựng những cơ chế pháp lí để quản lí có hiệu quả; cần có sự kiểm tra giám sát thường xuyên hoạt động của công ti, đặc biệt là mảng môi giới và tư vấn kết hôn.

Để xây dựng được mô hình hệ thống các cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài, cũng như để cho hệ thống cơ quan này hoạt động có hiệu quả, bảo vệ được quyền lợi của chị em phụ nữ thì hệ thống văn bản pháp luật có liên quan cần có sự thay đổi đồng bộ, thống nhất, nhanh chóng, kịp thời trong thời gian sớm nhất, cụ thể:

Thứ nhất, Luật HN&GD năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định chặt chẽ hơn về điều kiện kết hôn đối với việc kết hôn có yếu tố nước ngoài. Tức là ngoài những điều kiện kết hôn mà Luật HN&GD năm 2000 quy định, khi người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài cần đảm bảo những điều kiện sau: Cả hai bên phải giao tiếp được với nhau bằng cả hai ngôn ngữ là tiếng mẹ đẻ của họ; khoảng cách về độ tuổi giữa các bên không quá 25 tuổi; người nước ngoài không quá 60 tuổi; có công việc và thu nhập ổn định; không mắc một số bệnh truyền nhiễm như HIV/AIDS. Việc quy định này hoàn toàn không bị coi là phân biệt đối xử, trái với nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ mà hoàn toàn xuất phát từ nguyên tắc bảo vệ bà mẹ, trẻ em, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, phù hợp với pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế.⁽⁸⁾

Thứ hai, Nghị định số 68 cần bổ sung về việc thành lập hệ thống cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài bao gồm cục tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài và phòng tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài tại các tỉnh để tạo ra cơ sở pháp lý chính thức cho việc thành lập, cũng như cần quy định chi tiết nguyên tắc hoạt động, quyền hạn và nghĩa vụ của hệ thống cơ quan này (hoặc cho phép thành lập công ti tư vấn, hỗ trợ kết hôn quốc tế). Một trong những nhiệm vụ quan trọng của hệ thống cơ quan này là phải giám sát các trường hợp kết hôn trong khoảng thời gian năm năm đầu tiên kể từ sau khi tiến hành đăng kí kết hôn và cô dâu Việt Nam ra nước

ngoài sinh sống với chồng.

Thứ ba, Việt Nam cần mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kết hôn có yếu tố nước ngoài, từ đó, xây dựng các hiệp định song phương và đa phương về kết hôn có yếu tố nước ngoài với các nước khác, đặc biệt là với một số nước đang có nhiều công dân sang Việt Nam để kết hôn với phụ nữ Việt Nam.

Tóm lại, việc xây dựng các mô hình cơ quan tư vấn, hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài là cấp thiết. Việc chọn mô hình nào cần phải được tính toán cẩn trọng và nên cho phép thí điểm thành lập trên thực tế ở một số tỉnh, thành có số đông phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài. Từ đó, sẽ có định hướng đúng đắn cho hoạt động lâu dài với mong muốn việc kết hôn có yếu tố nước ngoài đảm bảo đúng mục đích, ý nghĩa xã hội của nó./.

(1).Xem: Nguyễn Văn Thắng, “*Một số vấn đề về môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài*”, Số chuyên đề về công chứng, hộ tịch, quốc tịch, Tạp chí dân chủ & pháp luật (2007), tr. 137.

(2).Xem: Trần Thu Hằng, “*Thực tiễn hoạt động của trung tâm hỗ trợ kết hôn, khó khăn và giải pháp*”, số chuyên đề về công chứng, hộ tịch, quốc tịch, Tạp chí dân chủ & pháp luật (2007), tr. 149.

(3).Xem: Điều 1 Nghị định của Chính phủ số 125/2004/NĐ-CP ngày 19/5/2004 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 03/2001/NĐ-CP ngày 3/2/2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

(4).Xem: Nghị định của Chính phủ số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hoá dịch vụ cấm kinh doanh (có kèm theo phụ lục).

(5).Xem: Điều 5 Luật doanh nghiệp năm 2005.

(6).Xem: Điều 7 Luật doanh nghiệp năm 2005.

(7).Xem: Điều 8, 9 Luật doanh nghiệp năm 2005.

(8).Xem: Điều 4 Công ước CEDAW; Điều 6 Luật bình đẳng giới năm 2006.